

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 26/3/2008 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình sân golf 18 lỗ Xuân Thành tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 1979/UBND-TM ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh về việc tách pháp nhân để thực hiện các dự án của Công ty CP Hồng Lam Xuân Thành; Văn bản số 902/UBND-NL₂ ngày 20/02/2020 và Văn bản số 5378/UBND-NL₂ ngày 17/08/2021 của UBND tỉnh về việc thay đổi các nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Tổ thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Sân golf 18 lỗ Xuân Thành (Khu vực Khách sạn và khu vực Sân golf) tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh” (Tổ thẩm định);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình 1406/TTr-STNMT ngày 03/4/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty Cổ phần Golf Xuân Thành tại Văn bản số 28/CV-CTXT/2023 ngày 29/12/2023; kết luận của Tổ thẩm định tại Văn bản số 652/STNMT-MT ngày 07/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 06/CV-GXT/2024 ngày 20/3/2024 của Công ty Cổ phần Golf Xuân Thành về chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện các nội dung liên quan); thực hiện Thông báo kết luận họp UBND tỉnh số 202/TB-UBND ngày 16/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Golf Xuân Thành (địa chỉ: Thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các

hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Sân golf 18 lỗ Xuân Thành (khu vực khách sạn và khu vực sân golf) tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh” với các nội dung sau đây:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: “Sân golf 18 lỗ Xuân Thành (khu vực khách sạn và khu vực sân golf) tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3001787385 được cấp bởi Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Tĩnh; đăng ký lần đầu ngày 26/08/2014 và thay đổi lần thứ 3 ngày 17/03/2020.

1.4. Mã số thuế: 3001787385.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở: cung cấp dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng cao cấp và vui chơi giải trí, ăn uống, chơi golf.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Sân Golf 18 lỗ Xuân Thành (khu vực khách sạn và khu vực sân golf) có tổng diện tích sử dụng đất 650.226m², trong đó khu vực khách sạn với diện tích là 12.807m² và khu vực sân golf với diện tích là 637.419m².

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Sân golf được thiết kế 18 lỗ với tiêu chuẩn 72 gậy, đáp ứng 300-400 lượt khách/ngày, cùng với dịch vụ ăn uống phục vụ các du khách.

+ Khách sạn có quy mô 176 phòng nghỉ, đáp ứng khoảng 528 lượt khách/ngày, cùng với các dịch vụ nhà hàng, spa, gym,...

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Golf Xuân Thành (đơn vị đề xuất, giải trình), Tổ thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất tại các Văn bản nêu trên và quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, đầu tư, quy hoạch, xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Golf Xuân Thành sau khi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Chịu trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án và theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ban hành.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân (Phòng Tài nguyên và Môi trường) tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Sân golf 18 lỗ Xuân Thành (khu vực khách sạn và khu vực sân golf) tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nghi Xuân;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công ty Cổ phần Golf Xuân Thành;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Tại khu vực khách sạn:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà bếp, ẩm thực.
 - + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại của nhà văn phòng, các phòng nghỉ, khu dịch vụ công cộng.
 - + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vực bồn rửa tay, tắm, giặt của nhà văn phòng, các phòng nghỉ, khu dịch vụ công cộng.
 - + Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động của bể bơi.
- Tại khu vực sân golf:
 - + Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà bếp, ẩm thực.
 - + Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại của nhà văn phòng, phòng nghỉ nhân viên, khu dịch vụ công cộng.
 - + Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt từ khu vực bồn rửa tay, tắm, giặt của nhà văn phòng, phòng nghỉ nhân viên, khu dịch vụ công cộng.
 - + Nguồn số 08: Nước xịt rửa xe điện.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận; nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: lạch nước ngọt Xuân Thành (hay còn gọi là lạch Đào) đoạn qua địa phận thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

Điểm xả thải chung của khách sạn: $X(m) = 2060621$; $Y(m) = 532332$.

Điểm xả thải chung của sân golf: $X(m) = 2060421$; $Y(m) = 532568$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $234 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tương đương $9,75 \text{ m}^3/\text{giờ}$), trong đó:

- Lưu lượng nước thải lớn nhất của khu vực Khách sạn là: $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Lưu lượng nước thải lớn nhất của khu vực sân golf là: 134 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt từ khu vực sân golf và khu vực khách sạn sau khi xử lý tại 02 hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1) được dẫn ra mương thoát nước chung dọc tuyến đường quy hoạch trong Khu du lịch Xuân Thành, sau đó theo mương thoát nước ra lạch nước ngọt Xuân Thành, theo phương thức tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24h/ngày (phụ thuộc vào thời gian hoạt động của dự án).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1), cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Tại khu vực khách sạn:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp, ẩm thực của nhà hàng trong khuôn viên Cơ sở được chảy qua song chắn rác vào bể tách dầu mỡ (thể tích 58,56m³, kích thước 6,1x4,0x2,4(m) theo đường cống về hố thu kích thước 1,6x1,6x1,5(m) và được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng cụm bơm chìm công suất Q=6m³/H, H=15m.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại của nhà văn phòng, các phòng nghỉ, khu dịch vụ công cộng sau khi xử lý ở bể tự hoại (số lượng 04 bể, trong đó 02 bể có thể tích mỗi bể là 81m³, kích thước 7,5x4,5x2,4 (m) và 02 bể có

thể tích mỗi bể 16m³, kích thước 3,33x2x2,4(m) dẫn về hồ thu kích thước 2.0x2.0x1.5(m) và được bơm về hệ thống xử lý nước thải bằng cụm bơm chìm công suất Q=9m³/H, H=20m.

+ Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vực bồn rửa tay, tắm rửa, giặt của nhà văn phòng, các phòng nghỉ, khu dịch vụ công cộng được chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn sau đó theo đường ống HDPE (D110) dài 96 m chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khu vực khách sạn để xử lý trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Nguồn số 04: Nước bể bơi bị nhiễm bẩn được hút qua các cửa hút mặt bể (skimmer) và các cửa hút đáy rồi sau đó được chuyển qua hệ thống dẫn nước tới phòng kỹ thuật. Nước được lọc qua hệ thống bình lọc cát, sỏi hay các vật liệu lọc khác nhờ các bơm lọc nước. Tiếp đó nước được dẫn qua hệ thống khử trùng Clo và cân bằng PH và sau đó tuần hoàn trở về bể bơi qua hệ thống ống và cửa trả gần tại thành bể.

- Tại khu vực sân golf:

+ Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp, ẩm thực của nhà hàng trong khuôn viên Cơ sở được chảy qua song chắn rác vào bể tách dầu mỡ (thể tích 58,56m³, kích thước 6,1x4,0x2,4(m) theo đường cống về hồ thu kích thước 1,6x1,6x1,5(m) và được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng cụm bơm chìm công suất Q=6m³/H, H=15m.

+ Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại của nhà văn phòng, phòng nghỉ nhân viên, khu dịch vụ công cộng sau khi xử lý ở bể tự hoại (số lượng 04 bể trong đó 02 bể có thể tích mỗi bể là 81m³, kích thước 7,5x4,5x2,4(m), 02 bể có thể tích mỗi bể 16m³, kích thước 3,33x2x2,4(m) dẫn về hồ thu kích thước 2.0x2.0x1.5(m) và được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng cụm bơm chìm công suất Q=9m³/H, H=20m..

+ Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt từ khu vực bồn rửa tay, tắm rửa, giặt của nhà văn phòng, phòng nghỉ nhân viên, khu dịch vụ công cộng được chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn sau đó theo đường ống HDPE dài 165m chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khu vực sân golf để xử lý trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Nguồn số 08: Nước xịt rửa xe điện được thu gom vào bể gạn váng dầu mỡ kết hợp lắng cơ học có kích thước: BxLxH=1,5mx1mx1m, sau đó được dẫn vào hồ thu nước thải có kích thước: BxLxH=1mx1mx1m và tuần hoàn, tái sử dụng để rửa xe.

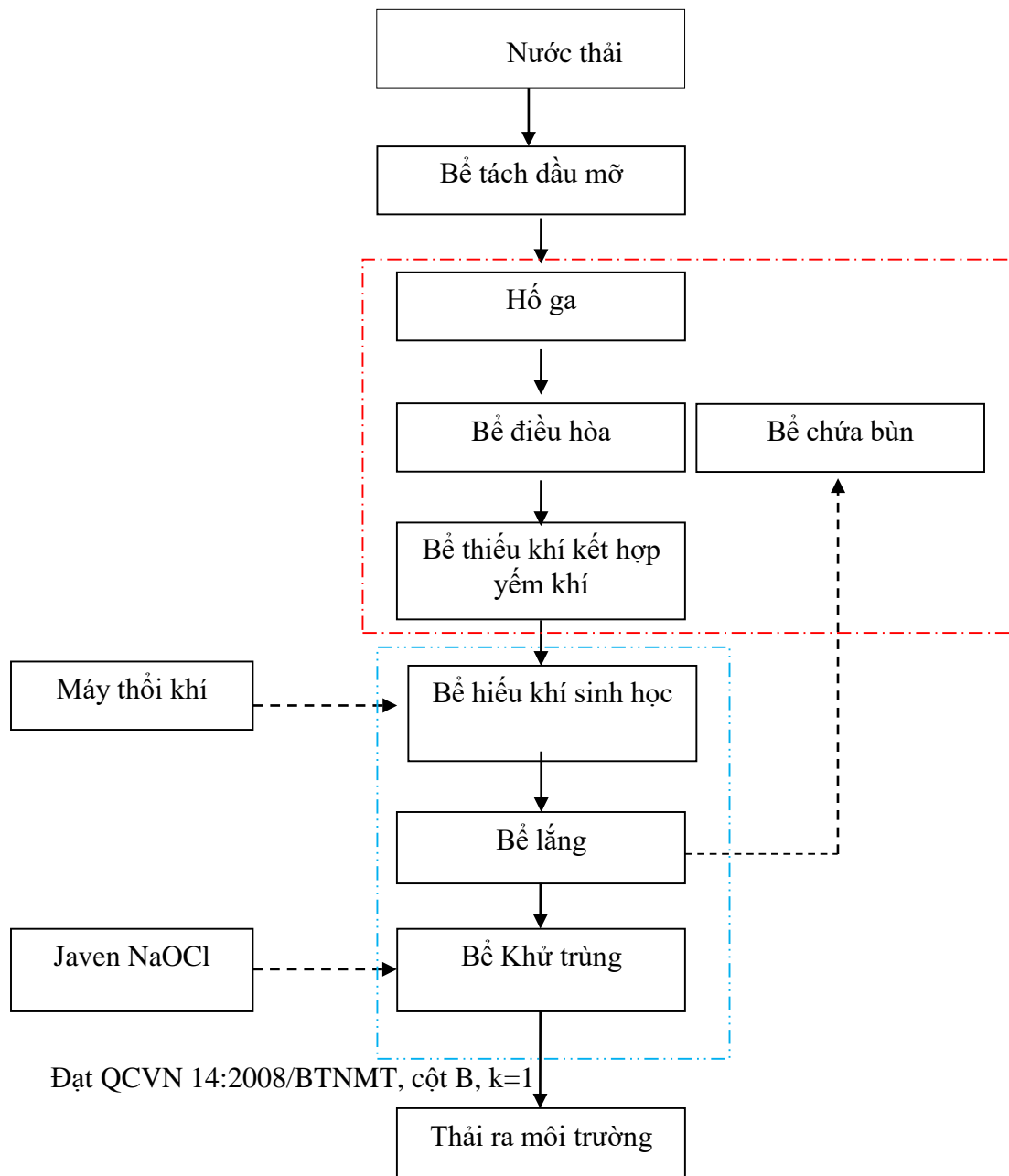
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu vực khách sạn và khu vực sân golf: 02 hệ thống xử lý riêng biệt cho 02 khu vực.

- Công nghệ: công nghệ sinh học AO.

- Công suất xử lý: 150 m³/ngày đêm

- Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:



+ *Bể tách dầu mỡ:*

Nước thải từ các nguồn phát sinh của từng khu vực (Khách sạn, Sân golf) theo đường ống dẫn vào bể tách dầu mỡ nhằm tách dầu mỡ. Lượng dầu mỡ định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý cùng chất thải nguy hại. Nước thải tiếp tục chảy sang hố ga. Có 03 bể tách dầu mỡ với thể tích $10,368\text{m}^3$, kích thước mỗi bể là $0,8 \times 1,8 \times 2,4$ (m).

+ *Hố ga:*

Nước thải từ bể tách dầu mỡ chảy sang vào ngăn tách rác, tách cặn dùng để loại bỏ hầu hết chất rắn thô, một phần chất rắn lơ lửng (SS) trong nước thải đầu vào. Ngăn tách rác, tách cặn có thể tích $13,826\text{m}^3$, kích thước $3,2 \times 1,8 \times 2,4$ (m).

+ *Bể điều hòa:*

Sau khi qua ngăn tách rác, nước thải chảy sang bể điều hòa, có chức năng ổn định lưu lượng và nồng độ nước thải trước khi đưa sang các công trình xử lý sinh học phía sau. Bể điều hòa có thể tích $30,72\text{m}^3$, kích thước $6,4 \times 2 \times 2,4$ (m).

+ *Bể thiếu khí kết hợp yếm khí:*

Nước thải ra khỏi bể điều hòa được dẫn vào bể thiếu khí kết hợp yếm khí, bể được hoạt động theo nguyên tắc phân hủy chất hữu cơ bởi các vi sinh vật trong môi trường không có oxy. Sản phẩm của quá trình này tạo ra các chất trơ và các loại khí dễ bay hơi như N_2 , CO_2 và CH_4 . Bể thiếu khí có thể tích $23,04\text{m}^3$, kích thước $6,4 \times 1,5 \times 2,4$ (m).

+ *Bể hiếu khí sinh học:*

Bể hiếu khí sinh học có chứa đệm vi sinh lưu động; trong bể có đĩa phân phối khí, khí được phân tán tạo thành luồng xoáy, làm cho đệm vi sinh chuyển động liên tục bên trong bể, tăng diện tích tiếp xúc của vi sinh vật. Bể hiếu khí có thể tích $53,76\text{m}^3$, kích thước $6,4 \times 3,5 \times 2,4$ (m).

+ *Bể lắng:*

Nước thải từ bể hiếu khí chảy sang bể lắng. Trong bể lắng có đặt các tấm lắng dạng ống hình trụ rỗng (tấm lắng lamén) với kích thước ống lamén cỡ sơ khoảng từ 6 - 10 cm. Các tấm lắng lamén có tác dụng tăng hiệu quả tách cặn, giảm dung tích cần thiết. Các vật liệu lắng sẽ loại bỏ hầu hết các chất rắn lơ lửng. Trong ngăn này có thiết kế một bơm rửa ngược đặt dưới đáy bể, hoạt động trong khoảng 5 - 20p/lần, 1 - 2 lần/ngày. Nước có nhiều chất rắn lơ lửng SS sau khi rửa ngược sẽ được chuyển tới bể chứa bùn. Bể lắng có thể tích $9,072\text{m}^3$, kích thước $2,1 \times 1,8 \times 2,4$ (m).

+ *Bể khử trùng:*

Nước sạch sau bể lắng chảy sang bể khử trùng để loại bỏ vi sinh vật bằng hoá chất khử trùng (Javen NaOCl). Bể khử trùng có thể tích $4,452\text{m}^3$, kích thước $1,75 \times 1,06 \times 2,4$ (m).

+ *Bể chứa bùn:* Bùn thải từ bể lắng một phần được bơm tuần hoàn trở lại bể hiếu khí, phần còn lại được vận chuyển đi xử lý. Bể chứa bùn có thể tích $7,56\text{m}^3$, kích thước $1,8 \times 1,75 \times 2,4$ (m).

* *Biện pháp xử lý khí thải và mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:* lắp ống khử mùi ϕ 110, cao 15m đặt trên sân thượng.

* *Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung:*

+ PAC trợ lắng: 1,3kg/lần/ngày.

+ NaOH: 0,9 lít/lần/ngày

+ Javen NaOCl 10%: 0,9 lít/lần/ngày.

* *Hoá chất, vật liệu sử dụng xử lý nước bể bơi:*

- + Chlorine 90%: 1,2kg/lần/tuần.
- + Pool Clear: 3 lít/lần/2 tuần.
- + Soda: 3 kg/lần/tuần.
- + PAC: 8 kg/lần/2 tuần.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

** Đối với sự cố về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng:*

- Vận hành và bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong hệ thống như bơm chìm, máy khuấy, máy thổi khí,... theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; đồng thời các thiết bị luôn có phương án dự phòng khi hoạt động; có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung ghi chép đầy đủ theo quy định; nhân viên vận hành được đào tạo về vận hành hệ thống XLNT tập trung.

- Theo dõi sự ổn định của hệ thống, kịp thời phát hiện sự cố và sửa chữa một cách sớm nhất, tránh ảnh hưởng đến hoạt động vận hành của hệ thống.

** Đối với sự cố tắc nghẽn đồng hồ đo lưu lượng nước thải:*

- Lựa chọn thiết bị ban đầu tốt, sử dụng đúng mục đích;

- Bổ sung thêm các thiết bị phụ trợ như lưới chắn rác, lọc,.. để hạn chế tình trạng rác thải, cặn bẩn,...;

- Khởi thông dòng chảy, làm sạch cặn bẩn bám vào cánh quạt của đồng hồ.

** Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách:*

- Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách;

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;

- Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy về an toàn lao động, hiểu biết và nắm rõ về các nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

** Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường:*

- Khóa van xả nước thải ra môi trường, xác định nguyên nhân, thiết kế đường ống bơm tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đủ lưu giữ, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian lưu.

- Báo cáo kịp thời cho cán bộ phụ trách, đề xuất phương án khắc phục và ưu tiên thực hiện sớm nhất để đưa hệ thống hoạt động bình thường trở lại, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra.

- Trường hợp sự cố nằm ngoài khả năng xử lý của cán bộ vận hành, cần liên hệ ngay với đơn vị có chức năng để tiến hành khắc phục một cách nhanh chóng nhất.

- Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải tiếp tục xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường mới được xả ra môi trường tiếp nhận.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát, bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

Phụ lục 02

**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực sân golf và khách sạn.
- Hoạt động của thiết bị máy móc, động cơ điện (như máy bơm, máy phát điện dự phòng ...).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Máy phát điện dự phòng của sân golf đặt tại lối vào nhà Câu lạc bộ, có tọa độ:

X(m) = 2029235; Y(m) = 0541044;

+ Trạm xử lý nước thải của sân golf, có tọa độ:

X(m) = 20 60 472; Y(m) = 05 31570;

+ Máy bơm nước mặt của sân golf, có tọa độ:

X(m) = 20 60 693; Y(m) = 05 326 75;

+ Máy phát điện dự phòng của khách sạn đặt tại tầng hầm, có tọa độ:

X(m) = 2060631; Y(m) = 05 32663;

+ Trạm xử lý nước thải của khách sạn, có tọa độ:

X(m) = 20 60 693; Y(m) = 05 326 75.

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung tại các khu vực xung quanh phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	01 năm/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	01 năm/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Đặt các biển báo hạn chế sử dụng còi và biển báo, báo hiệu giảm tốc độ của các phương tiện khi vào Sân golf và Khách sạn;
- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện, máy móc, nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn;
- Lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn.
- Tăng cường hệ thống cây xanh tại các khu vực quy hoạch của cơ sở hạn chế đến mức thấp nhất tiếng ồn phát ra từ cơ sở và giảm thiểu ô nhiễm môi trường

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng ước tính (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	2	16 01 06
2	Dầu nhiên liệu và dầu dienzel thải	NH	2	17 06 01
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	4	18 02 01
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	9	18 01 03
5	Pin- ắc quy thải	NH	14	16 01 12
Tổng cộng			31	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn cặn từ bể tự hoại: 67,45m³/năm.
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: 27.484,5 kg/năm.
- Vật liệu lọc từ hệ thống lọc nước bề bơi: 5,6m³ (định kỳ 5 năm thay 1 lần).
- Bùn cặn nạo vét tại các mương thoát nước mưa: 32,5m³/lần nạo vét (định kỳ 6 tháng nạo vét 1 lần).
- Bao bì đựng phân bón, hoá chất không nguy hại: 2kg bao bì/tháng, 8kg chai lọ/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, gồm: Giấy báo, thùng carton, túi nilon, thực phẩm dư thừa, ...; khối lượng ước tính khoảng 50 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS) và chất thải nguy hại (CTNH):

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, CTCNPKS:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

CTNH, CTCNPKS phát sinh tại khu vực khách sạn và khu vực sân golf : được thu gom lưu giữ trong các thùng phuy (thùng có nắp đậy, thể tích khoảng 200 lít/ thùng và có dán nhãn tên mã chất thải), đặt trong kho chứa chất thải.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực khách sạn: Kho chứa chất thải đặt tại tầng hầm khách sạn có diện tích 10m² kết cấu BTCT, nền láng xi măng, có mái che và cửa khóa, có biển báo dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Khu vực sân golf: Kho chứa chất thải đặt gần khu vực nhà xưởng sửa chữa xe điện và cơ giới, có diện tích 10m², nền cứng, mái che và cửa khoá, có biển báo dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

Chủ cơ sở thực hiện thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải tại kho chứa và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn cặn bể tự hoại: Lưu giữ tại các bể tự hoại có tổng thể tích chứa 96m³. Định kỳ chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: lưu giữ tại bể nén bùn có thể tích 7,56m³. Định kỳ, chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Vật liệu lọc từ hệ thống lọc nước bể bơi: định kỳ (theo chu kỳ thay vật liệu lọc 5 năm/lần), chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Bùn thải từ nạo vét các mương thoát nước mưa: Không bố trí khu vực lưu chứa. Định kỳ, chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng nạo vét vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Bao bì, chai lọ đựng phân bón, hoá chất không nguy hại: thu gom phân loại và bán phế liệu.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Khu vực khách sạn: tại các phòng lưu trú của mỗi tầng được đặt 03 thùng có thể tích khoảng 20 lít/thùng để thu gom (01 thùng đựng chất thải tái chế; 01 thùng đựng chất thải thực phẩm, 01 thùng đựng những chất thải còn lại); Chất thải được thu gom tại các tầng sẽ tập trung vào 03 thùng có thể tích khoảng 60 lít/thùng. Chất thải từ khu vực bếp và nhà hàng được thu gom, phân loại vào 03 thùng có thể tích khoảng 60 lít/thùng. Chất thải rắn sinh hoạt sau khi thu gom, phân loại, lưu chứa vào các thùng đựng, được xử lý:

+ Đối với chất thải tái chế được lưu giữ tại kho phế liệu ở tầng hầm khách sạn.

- + Đối với chất thải thực phẩm được tận dụng làm thức ăn cho vật nuôi.
- + Các chất thải còn lại được tập kết tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt phía Nam khách sạn.

- Khu vực sân golf: Bố trí các thùng ở những điểm thuận tiện để thu gom chất thải rắn sinh hoạt; định kỳ có bộ phận phụ trách môi trường của cơ sở đi thu gom, phân loại tại nguồn, đưa về tập trung vào 03 thùng đựng có thể tích phù hợp (01 thùng đựng chất thải tái chế; 01 thùng đựng chất thải thực phẩm, 01 thùng đựng những chất thải còn lại) đặt tại kho tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực khách sạn: kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt ở phía Nam khách sạn có diện tích 10m² kết cấu BTCT, nền láng xi măng, có mái che.

- Khu vực sân golf: kho lưu chứa rắn sinh hoạt được bố trí tại khu vực phòng nghỉ nhân viên nằm phía Đông của cơ sở, diện tích 8m², kết cấu BTCT, nền láng xi măng, có mái che.

2.3.2. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

Thực hiện thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Chất thải tái chế được thu gom, lưu giữ và bán phế liệu; chất thải thực phẩm được tận dụng làm thức ăn cho vật nuôi; chất thải còn lại lưu tại kho chứa và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 17/TD-PCCC ngày 09/02/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an Hà Tĩnh (Công trình: Khách sạn 5 sao và Nhà câu lạc bộ thuộc Dự án Sân golf 18 lỗ Xuân Thành); áp dụng các biện pháp đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải (CTNH, CTCNPKS, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt) phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường này; trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều

108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; thực hiện theo các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH